

Số: **174**/UBND-LĐTBOXH

Quận 12, ngày **11** tháng **01** năm 2024

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội quận;
- Công an quận;
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Bảo hiểm xã hội quận;
- Ủy ban nhân dân 11 phường.

Thực hiện Công văn số 6506/UBND-VX ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân quận đề nghị: Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 11 phường căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố.

(Đính kèm Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Ủy ban nhân dân quận đề nghị các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân 11 phường quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân quận (thông qua phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) để được hướng dẫn./. **h**

Nơi nhận: **h**

- Như trên;
- UBND/Q (CT/PCT/VX);
- VP.UBND/Q;
- Lưu: VT, LĐTBOXH(01b).Hg.20. **h**

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thị Chính

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/2023/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và
những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 5980/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em
mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố;
Báo cáo thẩm tra số 1127/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa

- Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn Thành phố, có đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú như sau

1. Chính sách hỗ trợ nhóm người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng:

a) Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định đang cư trú tại huyện Cần Giờ theo quy định của Luật cư trú được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,25 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

b) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên: sống đơn thân/neo đơn (là người có chồng, vợ, con, người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đã từ vong); hoặc sống độc thân (không chồng, vợ, có giấy xác nhận sống độc thân theo quy định Luật Hộ tịch) hiện sống một mình hoặc sống với người thân được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

2. Chính sách hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, cận nghèo theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định: bị bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định tại Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế); bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, tai nạn khác (có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền Hội đồng giám định y khoa với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên, được quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Bảo hiểm xã hội), nhưng chưa được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/người/tháng.

3. Chính sách hỗ trợ, chăm lo cho trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt (chưa được hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP):

a) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng nhưng hiện nay ông, bà hoặc người nuôi dưỡng đều đã tử vong được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 2,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ dưới 4 tuổi/tháng.

Mức hỗ trợ 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ từ đủ 4 tuổi trở lên/tháng.

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,25 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

c) Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

d) Trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hay mẹ là đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (hiện trẻ sống chung với cha hoặc mẹ; hoặc trẻ sống chung với người thân) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được chăm lo, hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí (trừ trẻ em dưới 6 tuổi).

Hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông công lập, giáo dục thường xuyên bằng với mức học phí do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định; riêng trường hợp trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục thì mức hỗ trợ học phí bằng với mức học phí của trường công lập.

Mức hỗ trợ 1,0 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội của Thành phố quy định/trẻ/tháng.

4. Chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gồm:

a) Người mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận điều trị theo quy định Danh mục bệnh hiểm nghèo của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ, Công văn số 6383/BTC-TCT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Điều 5 của Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, quy định của Bộ Y tế) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

b) Trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi bị khuyết tật nhẹ (được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật kết luận và cấp Giấy xác nhận khuyết tật xác định mức độ khuyết tật nhẹ) được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định được hỗ trợ:

Cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí.

c) Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục dân lập, tư thục, giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố, được xác định mức thu nhập theo bộ tiêu chí đo lường nghèo đa chiều của Thành phố quy định (có thẻ bảo hiểm y tế diện học sinh được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% theo Luật Bảo hiểm y tế) được hỗ trợ:

Mức hỗ trợ 70% kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 2. Phương thức hỗ trợ, nguồn kinh phí

1. Phương thức hỗ trợ: chi trả hàng tháng cho các đối tượng thụ hưởng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

2. Trường hợp có sự trùng lặp về chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng được quy định trong Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện thì chỉ được hưởng theo một mức hỗ trợ cao nhất.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Bộ LĐTB &XH;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Ban Thường trực UB.MTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy TP.HCM;
- Văn phòng ĐBQH&HĐND TP.HCM;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Các sở, ban, ngành TP.HCM;
- HĐND-UBND - UBND TP Thủ Đức, 5 huyện;
- UBND – UBND TP 16 quận;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (Ban VHXXH - Nga).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Lệ